

**LESSON 2+3****I. NEW WORDS**

|                    |                        |
|--------------------|------------------------|
| 1.crayon           | : bút sáp màu          |
| 2.whose            | : của ai               |
| 3.glue stick       | : keo dán              |
| 4.set square       | : thước đo góc         |
| 5.pencil sharpener | : cái gọt bút chì      |
| 6.pencil case      | : hộp bút chì          |
| 7.tidy             | : gọn gàng, ngăn nắp   |
| 8.after            | : sau khi              |
| 9.especially       | : đặc biệt là, nhất là |
| 10.fairy tales     | : chuyện cổ tích       |
| 11.storybook       | : sách truyện          |